

Số: 14/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2008

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 04 tháng 3 năm 2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Kế hoạch tổng thể) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải đáp ứng yêu cầu về phát triển một hướng khoa học và công nghệ trọng điểm; xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ở nước ta trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn, có vai trò quan trọng, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực: nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, y - dược và bảo vệ sức khoẻ con người, bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về công nghệ sinh học, hoạt động đạt hiệu quả cao.

3. Phát triển công nghệ sinh học trên cơ sở xây dựng và phát huy mạnh mẽ nội lực, kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc, nhanh chóng tiếp cận và làm chủ các thành tựu khoa học, công nghệ sinh học tiên tiến của thế giới, đồng thời hiện đại hoá các công nghệ truyền thống.

4. Phát triển công nghệ sinh học đòi hỏi đầu tư cao, thiết bị hiện đại, do vậy cần có sự lựa chọn để đầu tư đúng hướng, đúng mức và đồng bộ; lựa chọn một số sản phẩm chủ lực, thiết yếu để đầu tư phát triển.

5. Đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ về công nghệ sinh học đủ về số lượng và có chất lượng cao là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất trong phát triển công nghệ sinh học ở nước ta.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống; xây dựng công nghiệp sinh học trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất được các sản phẩm chủ lực, thiết yếu và đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân; tập trung nguồn lực, đa dạng hóa hình thức đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư đối với công nghệ sinh học, hình thành và phát triển thị trường công nghệ sinh học để đến năm 2020 công nghệ sinh học của Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, một số lĩnh vực thiết yếu đạt trình độ, tiêu chuẩn quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2010:

- Tiếp nhận, làm chủ và nghiên cứu tạo ra một số công nghệ quan trọng; triển khai ứng dụng rộng khắp và có hiệu quả các công nghệ này vào các lĩnh vực: nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường, quốc phòng và an ninh.

- Nghiên cứu tạo ra và ứng dụng mạnh mẽ các sản phẩm mới, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao về giống cây trồng, vật nuôi, chủng vi sinh vật, vắc-xin, sản phẩm chế biến công nghiệp... phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Xây dựng và tăng cường được một bước về tiềm lực cho hệ thống cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về công nghệ sinh học.

- Xây dựng được một số doanh nghiệp công nghệ sinh học và tạo lập thị trường thuận lợi, thông thoáng để các doanh nghiệp này sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đạt hiệu quả tốt nhất.

b) Giai đoạn 2011 - 2015:

- Tiếp nhận và làm chủ được các công nghệ nền của công nghệ sinh học tiên tiến và hiện đại của thế giới, trên cơ sở đó nghiên cứu tạo ra được nhiều công nghệ có giá trị phục vụ sản xuất và đời sống; tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ, sâu, rộng công nghệ sinh học trong nhiều lĩnh vực, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng được một số trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học đạt tiêu chuẩn khu vực ASEAN.

- Xây dựng được ngành công nghiệp sinh học phát triển, bảo đảm sản xuất được các sản phẩm chủ lực có chất lượng và sức cạnh tranh cao, phục vụ tốt cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

c) Tầm nhìn đến năm 2020:

- Đào tạo đủ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ về công nghệ sinh học có chất lượng cao, giàu năng lực sáng tạo và làm chủ công nghệ, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường sống.

- Xây dựng được một số trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Phát triển mạnh ngành công nghiệp sinh học, đáp ứng năng lực sản xuất các sản phẩm chủ lực, thiết yếu của nền kinh tế quốc dân.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống:

a) Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và phát triển nông thôn:

- Về cây nông nghiệp: tập trung nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ gen (công nghệ chuyển gen và phương pháp chỉ thị phân tử) để tạo ra các giống cây trồng mới, cây trồng biến đổi gen có các đặc tính nông học ưu việt, phù hợp với yêu cầu của thị trường; công nghệ vi nhân giống để đáp ứng nhu cầu cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh; ứng dụng rộng rãi công nghệ cao nhằm tối ưu hoá năng suất, chất lượng cây trồng nông nghiệp.

- Về cây lâm nghiệp: nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ tế bào, công nghệ vi nhân giống để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt; nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ gen để tạo cây lâm nghiệp chống sâu, bệnh.

- Về giống vật nuôi: nghiên cứu cải tiến các công nghệ sinh sản, đặc biệt là công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, thụ tinh ống nghiệm; áp dụng phương pháp chỉ thị phân tử, công nghệ chuyển gen trong chọn, tạo các giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao; ứng dụng công nghệ gen trong xác định giới tính phôi một số loại gia súc quan trọng; nghiên cứu và nâng cao năng lực sản xuất, bảo đảm đủ lượng vắc-xin thú y, đặc biệt là vắc-xin phòng, chống bệnh cúm gia cầm, bệnh lở mồm, long móng ở gia súc và các bệnh nguy hiểm khác.

- Về vi sinh vật: nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và protein để sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm vi sinh dùng trong bảo vệ cây trồng, cải tạo đất, chế biến và bảo quản nông sản - thực phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi, làm sạch nước sinh hoạt và xử lý các phế, phụ phẩm, chất thải từ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ di truyền trong việc bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật phục vụ cho công tác cải tạo giống.

- Về nuôi trồng thủy sản: nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để: điều khiển giới tính nhằm sản xuất con giống đơn tính quy mô công nghiệp; tạo giống thủy sản có chất lượng cao, kháng bệnh tốt; tiến hành các phương pháp sinh sản nhân tạo ở một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao phục vụ xuất khẩu; bảo tồn và khai thác có hiệu quả nguồn gen các loài thủy sản đặc hữu phục vụ cho công tác giống thủy sản; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nâng cao năng suất nuôi trồng và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sản xuất một số loại kit chẩn đoán nhanh bệnh ở thủy sản; nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản; sản xuất thức ăn thủy sản chất lượng cao thay thế thức ăn ngoại nhập.

- Về chế biến thủy sản: nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ enzym và protein để nâng cao chất lượng và tạo mặt hàng mới trong công nghiệp chế biến thủy sản; ứng dụng phương pháp sinh học phân tử trong bảo đảm vệ sinh, an toàn sản phẩm thủy sản; ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý phế thải, chất thải trong chế biến thủy sản nhằm bảo vệ môi trường và sản xuất các chế phẩm bảo quản sản phẩm thủy sản.

b) Lĩnh vực y tế và bảo vệ sức khỏe cộng đồng:

Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ sinh học trong lĩnh vực y - dược để tạo ra các sản phẩm y - dược mới, hiệu quả chữa bệnh cao, các dịch vụ y học công nghệ cao nhằm phòng, chống hữu hiệu các loại dịch bệnh nguy hiểm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng về chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Về y tế:

+ Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tế bào gốc phục vụ chữa bệnh; mở rộng quy mô ứng dụng công nghệ thụ tinh trong ống nghiệm để giải quyết vấn đề vô sinh; phát triển công nghệ đơn dòng tế bào và ứng dụng vào việc chẩn đoán và điều trị bệnh.

+ Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ gen trong chẩn đoán và điều trị bệnh, nâng cao chất lượng nòi giống con người Việt Nam.

+ Nghiên cứu và sản xuất các loại vắc-xin thế hệ mới (vắc-xin tế bào, vắc-xin tái tổ hợp, vắc-xin ADN) để bảo đảm đáp ứng 80 - 90% nhu cầu trong nước và một phần cho xuất khẩu.

- Về dược phẩm:

+ Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học từ động vật, thực vật và vi sinh vật để sản xuất quy mô công nghiệp các loại thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

+ Nghiên cứu và sản xuất các loại thuốc kháng sinh, vitamin, axit amin, protein bằng công nghệ lên men vi sinh và vi sinh tái tổ hợp.

+ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tế bào trong bảo tồn và phát triển các nguồn dược liệu quý hiếm.

c) Lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, sản xuất nhiên liệu sinh học (khí sinh học, xăng sinh học, diesel sinh học...) phục vụ mục tiêu sản xuất sạch hơn và bảo đảm an ninh năng lượng.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các chất thải gây ô nhiễm, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để lưu giữ, bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học, đất đai, nước, không khí vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

d) Lĩnh vực công nghiệp chế biến:

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ enzym, protein, vi sinh để sản xuất quy mô công nghiệp các axit amin, protein, axit hữu cơ, dung môi hữu cơ, chế phẩm vi sinh phục vụ công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi, nhiên liệu sinh học, thuốc chữa bệnh, xử lý ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu chế tạo dây chuyền, thiết bị công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp chế biến thực phẩm.

đ) Lĩnh vực quốc phòng và an ninh:

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các phương pháp phòng, chống các loại vũ khí sinh học.

- Nghiên cứu, xây dựng tàng thư gien người trên một số đối tượng cần quản lý; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong đấu tranh phòng, chống, truy tìm tội phạm, quản lý nguồn nhân lực, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Xây dựng và phát triển tiềm lực cho công nghệ sinh học:

a) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hoá máy móc, thiết bị:

- Quy hoạch và đầu tư tập trung, đúng mức và đồng bộ để hiện đại hóa mạng lưới các viện nghiên cứu, trường đại học và phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học trong phạm vi cả nước.

- Hoàn thiện việc xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đồng thời xây dựng và phát triển thêm các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học mới, được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại và đồng bộ.

- Xây dựng một số trung tâm công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại mang tính chất vùng, liên vùng, ngành, liên ngành nhằm thực hiện những nhiệm vụ quốc gia, nhiệm vụ liên vùng, liên ngành và nhiệm vụ đặc thù của ngành, vùng.

- Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về công nghệ sinh học đạt tiêu chuẩn quốc tế, các phòng thí nghiệm khác chuẩn hoá theo tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS).

b) Đào tạo nguồn nhân lực:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực khoa học đáp ứng nhu cầu về lượng và chất của việc phát triển công nghệ sinh học và ngành công nghiệp sinh học ở nước ta. Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, tiến sĩ và sau tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên và đào tạo theo nhóm nghiên cứu về công nghệ sinh học.

- Chủ động và thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ khoa học thuộc mọi trình độ về công nghệ sinh học ở trong nước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho công nghệ sinh học của Việt Nam. Tiếp tục gửi người đi đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài bằng vốn ngân sách nhà nước. Khuyến khích việc du học tự túc bậc học đại học, sau đại học, sau tiến sĩ về công nghệ sinh học.

- Tổ chức đào tạo lại về công nghệ sinh học cho các cán bộ khoa học kỹ thuật đang làm việc trong lĩnh vực công nghệ sinh học nhưng trước đây không được đào tạo chuyên sâu về công nghệ sinh học, đi đôi với việc tổ chức các lớp tập huấn về chuyển giao công nghệ và tiên bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học cho các cơ sở sản xuất và địa phương.

- Thực hiện cơ chế liên kết giữa đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để bảo đảm các đề tài nghiên cứu triển khai ở cấp bộ, cấp nhà nước đều góp phần đào tạo được những cán bộ có trình độ cao về công nghệ sinh học.

- Giai đoạn 2006 - 2010: đào tạo được trên 8.000 cán bộ khoa học có trình độ đại học và sau đại học về công nghệ sinh học, trong đó có: 200 tiến sĩ, 800 thạc sĩ, gửi đi đào tạo ở nước ngoài khoảng 100 lượt người; đào tạo ở trong nước được 3.000 kỹ thuật viên.

- Giai đoạn 2011 - 2015: đào tạo được trên 12.000 cán bộ khoa học có trình độ đại học và sau đại học về công nghệ sinh học, trong đó có: 300 tiến sĩ, 1.200 thạc sĩ, gửi đi đào tạo ở nước ngoài khoảng 300 lượt người; đào tạo ở trong nước được 4.500 kỹ thuật viên.

3. Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học:

a) Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp sinh học ở Việt Nam đến năm 2020, trong đó chú trọng quy hoạch phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực: công nghiệp chế biến sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện của nước ta.

b) Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy, hải sản; sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước chấm; sản xuất các axit amin, axit hữu cơ, enzym công nghiệp, phụ gia thực phẩm; sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản, phân bón, thuốc trừ sâu sinh học, vắc-xin thú y, vắc-xin phục vụ chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, vắc-xin cúm gia cầm, thuốc chữa bệnh, kháng sinh và các loại dược phẩm khác; sản xuất các chế phẩm vi sinh để xử lý rác thải, nước thải, khí thải, làm sạch nước sinh hoạt và các sự cố môi trường.

c) Tạo lập thị trường thông thoáng, thuận lợi, phát triển thêm các ngành công nghiệp phụ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghiệp sinh học.

4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống:

a) Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống cũng như đầu tư phát triển ngành công nghiệp sinh học ở Việt Nam; chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy, hải sản đầu tư phát triển công nghệ sinh học; chính sách thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghệ sinh học; chính sách ưu đãi cán bộ khoa học kỹ thuật và trọng dụng nhân tài về công nghệ sinh học.

b) Xây dựng chính sách về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, một chương quan trọng của Luật Đa dạng sinh học và các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chương này.

c) Xây dựng, ban hành và thực thi các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, vay vốn, hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực... cho các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển ngành công nghiệp sinh học.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học:

a) Tiến hành các hợp tác song phương và đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới có nền công nghệ sinh học tiên tiến để học hỏi kinh nghiệm, thu hút đầu tư, tranh thủ sự giúp đỡ nhằm phát triển nhanh, mạnh và vững chắc công nghệ sinh học ở nước ta.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; chuyển giao công nghệ, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị về công nghệ sinh học giữa các viện nghiên cứu, trường đại học của nước ta với các viện nghiên cứu, trường đại học của các nước có nền công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới.

6. Các chương trình, quy hoạch, đề án và dự án trọng điểm:

Để đạt được mục tiêu đã đề ra và triển khai có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch tổng thể nêu trên, tiến hành xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện 10 chương trình, quy hoạch, đề án và dự án trọng điểm sau đây:

a) Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước về phát triển và ứng dụng các công nghệ nền của công nghệ sinh học: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện.

b) Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện (tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020: Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện (tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 14/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

d) Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020: Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện (tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

đ) Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế đến năm 2020: Bộ Y tế chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

e) Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

g) Quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghệ sinh học và ngành công nghiệp sinh học đến năm 2020: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

h) Quy hoạch mạng lưới và tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các viện, trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học đến năm 2020: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

i) Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp sinh học ở Việt Nam đến năm 2020: Bộ Công thương chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

k) Dự án Luật Đa dạng sinh học, trong đó có chương về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen và các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chương này: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng, trình Chính phủ cho ý kiến đề trình Quốc hội thông qua và tổ chức thực hiện.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với sự phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống. Hình thành hệ thống chỉ đạo phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Đẩy mạnh và đa dạng hoá các loại hình tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ và nội dung Kế hoạch tổng thể về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến các cấp, các ngành, địa phương và cộng đồng dân cư để thực hiện.

2. Nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng và ưu đãi cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, đồng thời nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng và sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học ở Việt Nam.

3. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị cho công nghệ sinh học. Chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hệ thống theo quy hoạch thống nhất trong cả nước, trong từng địa phương để sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị, các phòng thí nghiệm đã được đầu tư.

4. Tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Lựa chọn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng thời quản lý chặt chẽ các chương trình, đề án, dự án về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Chú trọng huy động nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp và người sản xuất cho phát triển công nghệ sinh học ở nước ta.

Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học và công nghệ. Việc ưu tiên bố trí kinh phí cho các chương trình, quy hoạch, đề án và dự án trọng điểm trong “Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020” thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Khôi phục và phát triển các kinh nghiệm bản địa, đồng thời nhanh chóng áp dụng các công nghệ tiên tiến để đẩy mạnh việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, hình thành thêm ngành nghề mới để phát triển mạnh ngành công nghiệp sinh học.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế để nhanh chóng tiếp thu, giải mã, làm chủ một số lĩnh vực quan trọng của công nghệ sinh học hiện đại. Thực hiện việc mua công nghệ và thuê chuyên gia nước ngoài trong những trường hợp nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học cần thiết.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ các nội dung của “Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020”, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, căn cứ nhiệm vụ được giao chủ trì trong Kế hoạch tổng thể khẩn trương xây dựng, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các chương trình, quy hoạch, đề án và dự án trọng điểm đã được phân công.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Kế hoạch tổng thể này, xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển công nghệ sinh học giai đoạn từ nay đến năm 2020 như là một bộ phận ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm ở địa phương.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng vốn để triển khai, thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ, chương trình, quy hoạch, đề án và dự án trong Kế hoạch tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các tổ chức và cá nhân có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, chương trình, quy hoạch, đề án và dự án thuộc Kế hoạch tổng thể tiến hành đăng ký với các Bộ được giao chủ trì nhiệm vụ nêu trên để được xem xét, giải quyết.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KG (5b):Hà 305



Nguyễn Thiện Nhân